TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B - LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **03**/2021/DS-ST
Ngày: 03 - 3 - 2021.
V/v tranh chấp*: Hợp đồng dân sự vay tài sản giữa bà H và vợ chồng ông Đ, bà D.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B - TỈNH LÂM ĐỒNG
***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Đức Trường**
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Phan Thị Hà**
2. Ông **Phạm Đức Minh**

Thư ký phiên tòa: Bà **Ka Hít** - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Ngày **03** tháng **3** năm **2021** tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 162/2020/TLST-DS ngày 11 tháng 11 năm 2020 về việc "*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*" theo Quyết Đ đưa vụ án ra xét xử số 03/2021/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Bà **Cát Thị H**, sinh năm: 1960. Địa chỉ cư trú: Số 43/9 đường Phan Đăng Lưu, Phường I, Thành phố Y, tỉnh Lâm Đồng. (*Có mặt).*

**** Bị đơn:*** Vợ chồng ông **Trần Văn Đ**, sinh năm: 1973 và bà **Đỗ Thị D**, sinh năm: 1975. Địa chỉ cư trú: Thôn 15, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. (*Vắng mặt).*

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 03 tháng 11 năm 2020 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Cát Thị H trình bày:

Vào ngày 18/3/2020 bà H có cho vợ chồng ông Đ, bà D vay số tiền 430.000.000đ để mua đất, lãi suất theo thỏa thuận, hẹn đến ngày 15/5/2020 sẽ trả cả gốc và lãi. Đến hạn, mặc dù bà H đã đòi nhiều lần nhưng vợ chồng ông Đ, bà D vẫn không trả nợ. Vì vậy, bà H khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Đ, bà D phải trả lại số tiền gốc còn nợ là 430.000.000đ và yêu cầu tính lãi suất theo quy Đ của pháp luật kể từ ngày vay đến nay.

** Bị đơn vợ chồng ông Trần Văn Đ, bà Đỗ Thị D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy không có lời khai của vợ chồng ông Đ, bà D tại Tòa án.*

Vụ án không tiến hành hòa giải được do nguyên đơn bà Cát Thị H có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận Đ:

***- Về tố tụng*:** Bà Cát Thị H có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng giải quyết về việc "*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*" với vợ chồng ông Trần Văn Đ, bà Đỗ Thị D. Theo quy Đ tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn vợ chồng ông Trần Văn Đ, bà Đỗ Thị D đã được Tòa án tống đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt vợ chồng ông Trần Văn Đ, bà Đỗ Thị D là phù hợp với quy Đ tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

Vào ngày 18/3/2020 bà H có cho vợ chồng ông Đ, bà D vay số tiền 430.000.000đ hẹn đến ngày 15/5/2020 sẽ trả cả gốc và lãi. Nhưng đến hạn, bà H đã đòi nhiều lần nhưng vợ chồng ông Đ, bà D vẫn không trả nợ nên hai bên đã xảy ra tranh chấp.

Qúa trình giải quyết vụ án, bà H đã cung cấp cho Tòa án bản chính 01 giấy mượn tiền lập ngày 18/3/2020 có chữ ký của vợ chồng ông Đ, bà D.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, lời trình bày của đương sự thì thấy rằng: Việc bà H và vợ chồng ông Đ, bà D có giao dịch dân sự với nhau bằng việc cho vay tiền là có thật. Quá trình giao dịch, hai bên đã thể hiện bằng giấy tờ cụ thể, cả hai vợ chồng ông Đ, bà D đều ký nhận vào giấy mượn tiền. Quá trình giiai quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng vợ chồng ông Đ, bà D cố tình vắng mặt và cũng không cung cấp được chứng cứ gì về việc đã trả nợ cho bà H hay chưa. Vì vậy, bà H yêu cầu vợ chồng ông Đ, bà D phải có trách nhiệm trả cho bà số tiền nợ gốc 430.000.000đ là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về lãi suất: Trong giấy mượn tiền hai bên có ghi lãi suất theo thỏa thuận nhưng lại không ghi rõ mức lãi suất; Vợ chồng ông Đ, bà D vắng mặt nên cần xác Đ đây là trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác Đ rõ lãi suất nên áp dụng khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự thì mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy Đ tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương đương 20%/năm x 50% = 10%/năm : 12 tháng = 0,83%/tháng. Quá trình giiai quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, bà H yêu cầu tính lãi suất theo quy Đ của pháp luật là phù hợp nên được chấp nhận. Tiền lãi được tính từ ngày 18/3/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm tính tròn là 11 tháng x 430.000.000đ x 0,83%/tháng = 39.259.000đ.

Tổng cộng cả gốc và lãi là 469.259.000đ.

Từ những phân tích nhận Đ trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H đối với vợ chồng ông Đ, bà D; Buộc vợ chồng ông Đ, bà D phải có trách nhiệm trả cho bà H tổng số tiền là 469.259.000đ; trong đó: tiền gốc là 430.000.000đ, tiền lãi là 39.259.000đ.

- Về án phí: Vợ chồng ông Đ, bà D phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy Đ của pháp luật là 22.770.000đ.

Bà Cát Thị H không phải chịu tiền án phí theo quy Đ của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 463, Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy Đ về "*Mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*". Xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Cát Thị H đối với vợ chồng ông Trần Văn Đ, bà Đỗ Thị D về việc "*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*".

Buộc vợ chồng ông Trần Văn Đ, bà Đỗ Thị D phải có trách nhiệm trả cho bà Cát Thị H số tiền 469.259.000đ (*Bốn trăm sáu mươi chín triệu hai trăm năm mươi chín ngàn đồng)*; trong đó: tiền gốc là 430.000.000đ, tiền lãi là 39.259.000đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy Đ tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2/ Về án phí:

Vợ chồng ông Trần Văn Đ, bà Đỗ Thị D phải chịu 22.770.000đ (*Hai mươi hai triệu bảy trăm bảy mươi ngàn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Cát Thị H không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3/ Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (03/3/2021), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết Đ được thi hành theo quy Đ tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy Đ tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy Đ tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện B;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Nguyễn Đức Trường